

CÂU TƯỜNG THUẬT

REPORTED SPEECH

Direct speech: lặp lại nguyên lời nói, thường có dấu ngoặc kép "...".

Reported speech: thuật lại ý chính, bỏ ngoặc kép, đổi đại từ/thì/từ thời gian nếu cần.

Ví dụ:

Direct: She said, "I am tired."

→ Reported: She said (that) she was tired.

Công thức chung

S + reporting verb (say/tell/ask...) + (that) + S + V (đổi thì nếu lùi thời gian) + ...

• **LƯU Ý:** tell + object (người nghe): She told me (that)... | • say (không cần object): She said (that)...

6 bước chuyển câu (Step-by-step)

B1 - Xác định loại câu: khẳng định / Yes-No / Wh- / mệnh lệnh.

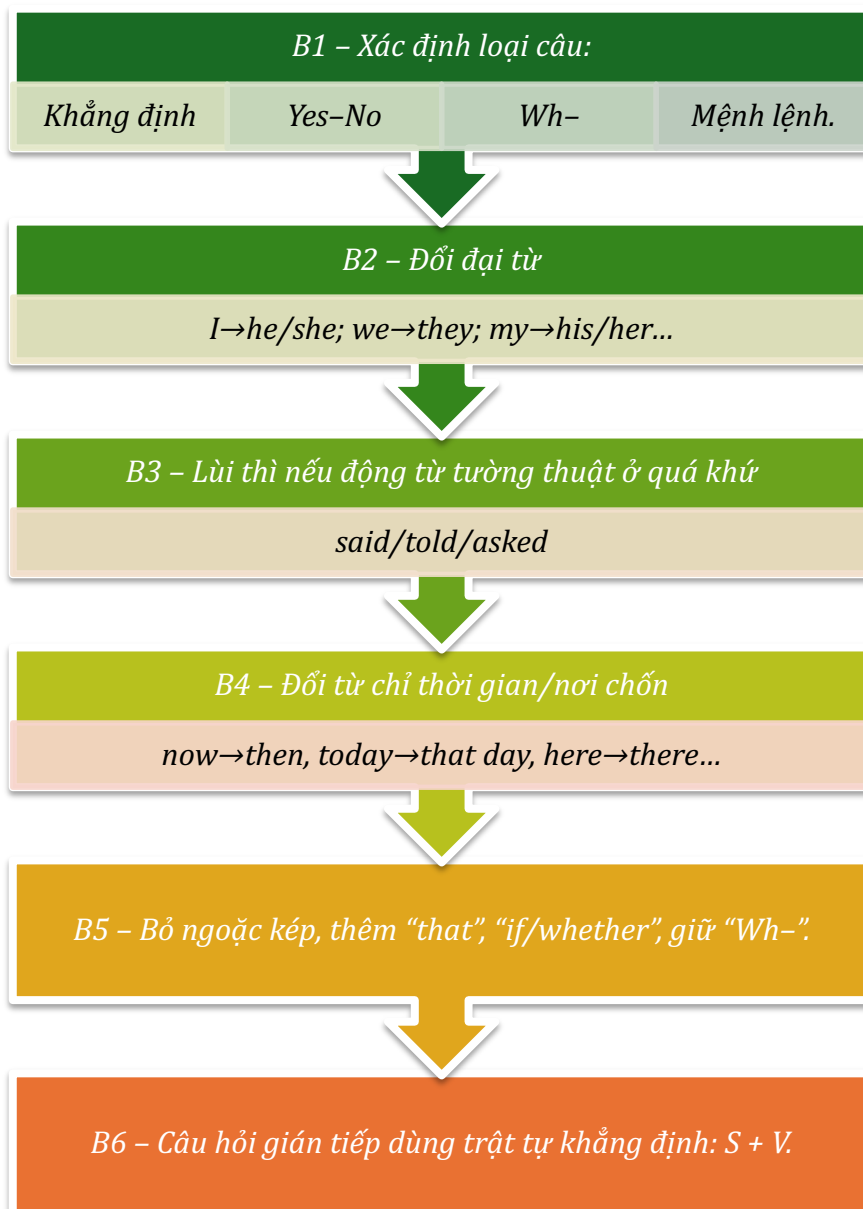
B2 - Đổi đại từ (I→he/she; we→they; my→his/her...).

B3 - Lùi thì nếu động từ tường thuật ở quá khứ (said/told/asked).

B4 - Đổi từ chỉ thời gian/nơi chốn (now→then, today→that day, here→there...).

B5 - Bỏ ngoặc kép, thêm "that", "if/whether", giữ "Wh-".

B6 - Câu hỏi gián tiếp dùng trật tự khẳng định: S + V.



Bảng lùi thì (Backshift of Tenses)

Direct	→ Reported	Ví dụ
Present Simple	Past Simple	"I work." → He said (that) he worked.
Present Continuous	Past Continuous	"I am studying." → She said (that) she was studying.
Present Perfect	Past Perfect	"I have finished." → He said (that) he had finished.
Past Simple	Past Perfect	"I saw her." → He said (that) he had seen her.
Past Continuous	Past Perfect Continuous	"I was waiting." → She

		said (that) she had been waiting.
Will	Would	"I will go." → He said (that) he would go.
Can	Could	"I can swim." → She said (that) she could swim.
May	Might	"I may come." → He said (that) he might come.
Must/Have to	Had to	"I must/have to leave." → She said (that) she had to leave.

LƯU Ý: Không lùi thì nếu động từ tường thuật ở hiện tại/sự thật hiển nhiên: She says that water boils at 100°C.

Đổi đại từ & từ chỉ thời gian/nơi chốn

A) Đại từ: I→he/she, we→they, my→his/her, our→their... (tùy ngữ cảnh).

B) Thời gian & nơi chốn:

Direct	→ Reported
now	then
today	that day
yesterday	the day before
tomorrow	the next/following day
last night/week/year	the previous night/week/year
next week/year	the following week/year
here	there
this/these	that/those

Các loại câu – Cách chuyển

- Statements: S + said/told (me) + (that) + S + V.

Ví dụ: "I like English." → She said (that) she liked English.

- Yes/No questions: asked (me) + if/whether + S + V.

Ví dụ: "Do you like tea?" → He asked me if I liked tea.

- Wh- questions: asked (me) + Wh- + S + V.

Ví dụ: "Where do you live?" → She asked me where I lived.

- Imperatives/Requests: told/asked (me) + to V / not to V.

Ví dụ: "Don't be late." → He asked me not to be late.

Tóm lại

- **Statements:** said/told (me) + (that) + S + V
- **Yes/No:** asked (me) + if/whether + S + V
- **Wh-:** asked (me) + Wh- + S + V
- **Imperatives:** told/asked (me) + to V / not to V
- **Backshift:** will→would; can→could; may→might; must/have to→had to
- **Time/Place:** now→then; today→that day; here→there...